

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-PT

Ngày: 17 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 72/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo NVT do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: NVT, sinh năm: 1990; tại huyện TB.

Nơi cư trú: ấp PT, xã PTh, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị Hồng H (đã ly hôn) và 01 người con; tiền sự: không.

Tiền án: 04 lần.

- Ngày 07/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2009/HS-ST.

- Ngày 08/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2010/HS-ST.

- Ngày 05/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 34/2012/HS-ST.

- Ngày 21/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 07 năm tù, về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 48/2014/HS-ST; chấp hành xong hình phạt vào ngày 23/7/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn bị hại HTP không có kháng cáo, không bị kháng cáo tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo NVT có mối quan hệ quen biết với anh Phạm Quốc D, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp AT, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và chị Lê Thị Quỳnh D1, sinh năm 2006; nơi cư trú: ấp ĐN, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên ngày 23/01/2022 bị cáo T đến nhà của anh D chơi và ngủ lại qua đêm.

Vào khoảng 12 giờ ngày 24/01/2022 bị hại HTP, sinh năm 1983, nơi cư trú ấp AT A, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long dựng xe mô tô hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62 ở trước sân nhà rồi đi vào phòng ngủ trưa. Cùng thời gian này bị cáo T được chị D1 nhờ điều khiển xe chở đến nhà của người bạn tên Đặng Thị Thanh T nên bị cáo T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 64FA-025.17 của chị D1 chở chị D1 đi từ nhà D đến nhà T. Sau khi đến nhà T thì chị D1 ở lại nhà T chơi còn bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 64FA-025.17 đi về một mình. Trên đường về thì xe mô tô biển số 64FA-025.17 bị hư hỏng nên bị cáo T dẫn bộ, đi được một đoạn thì bị cáo T dừng lại nghỉ mệt ở đoạn đường nhựa trước nhà của ông Hồ Văn C, sinh năm 1958, ngụ ấp AT A, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và gọi điện cho D để nhờ D kè đẩy xe về. Trong lúc ngồi chờ, T nhìn qua đối diện bên kia sông Vàm Coi phát hiện nhà bị hại P có dựng xe mô tô phía trước sân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. Khi D đến nơi T dựng xe thì D kiểm tra xe mô tô biển số 64FA-025.17 còn T đi bộ một mình qua cầu Vàm Coi đến nhà bị hại P. Sau khi quan sát thấy không có ai nên bị cáo T dùng cờ lê (khóa cỡ 8) và thanh đoản (thanh lục giác mài nhọn) mang theo sẵn trong người bẻ khóa rồi điều khiển xe mô tô biển số 64E1-155.62 chạy theo đường đất cặp mé sông.

Lúc này ông Hồ Văn Ch và chị Trần Thị Thu S đang chất rơm cuộn vào nhà kho phát hiện bị cáo T trộm cắp tài sản nên nhờ chị Hồ Thị K gọi điện thoại báo cho bị hại P và Công an xã Bình Ninh biết. Anh Đinh Phước T điều khiển xe chở bị hại P truy đuổi theo hướng bị cáo T bỏ chạy đến trước nhà ông CVU (cách hiện trường khoảng 01km) thì bắt được bị cáo T cùng tang vật là một xe mô tô hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62, một cờ lê cỡ 8-8 (một đầu miêng hỏ, một đầu miêng vòng), một thanh kim loại lục giác có một đầu mài nhọn.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL.ĐGTS ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TB kết luận: xe mô tô hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62, màu sơn đen – trắng, số khung 6K0DY-056102, số máy 5C6K-056114 có giá bình quân thị trường tại thời điểm mất trộm là 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Về vật chứng được thu giữ:

- Một cờ lê cỡ 8-8 (một đầu miệng hở, một đầu miệng vòng).
- Một thanh kim loại lục giác có một đầu mài nhọn.
- Một xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62, màu sơn đen – trắng, số khung 6K0DY-056102, số máy 5C6K-056114 do anh HTP đứng tên giấy chứng nhận.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại là anh HTP đã nhận tài sản, nên không có yêu cầu gì.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 23/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo NVT 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2022.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 6 năm 2022 bị cáo NVT có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn neo đơn, nuôi cha mẹ già, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo NVT, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB; căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo NVT 04 (bốn) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo và lời khai bị hại tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/01/2022, lợi dụng sự sơ hở của bị hại HTP, bị cáo NVT đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62; theo kết luận định giá tài sản số: 02/KL.ĐGTS ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TB kết luận thì xe mô tô hiệu Sirius, biển số 64E1-155.62 có giá bình quân thị trường tại thời điểm mất trộm là 8.700.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T là không có căn cứ; bản thân bị cáo có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp tài sản”, vừa chấp hành xong hình phạt vào ngày 23/7/2021, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 24/01/2022 với tổng giá trị tài sản lấy trộm là 8.700.000 đồng; lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, khi trở về hòa nhập cộng đồng bị cáo không trở thành công dân có ích cho xã hội, mà chỉ vì cần tiền tiêu xài nhưng không phải lao động bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của người khác, nên cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo. Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thống nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo NVT; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo NVT 04 (bốn) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2022.

Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo NVT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HTB: 02;
- VKSND + CQĐT HTB: 02;
- CQTHADS + THAHS HTB: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01
- STP: 01;
- UBND, CA xã BN: 02;
- Lưu VP, P.KTNV, lưu hồ sơ vụ án: 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Ngừng

